

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2019/DS-PT**

Ngày 10 - 4 - 2019

V/v tranh chấp: “Đòi di sản thừa kế  
và chia di sản thừa kế; Yêu cầu hủy  
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi di sản thừa kế và chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đỗ Thị Thu L**, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư **Nguyễn Văn T** – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Đặng Văn C**, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền được chứng thực ngày 21/01/2012)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư **Nguyễn Văn D** – Văn phòng luật sư D thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Phan Thị T**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. **Phan Thị Đ**, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Số 8/232, khu phố 3, phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Phan Thị N**, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. **Phan Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Phan Thị T, Phan Thị Ngọc Đ là ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1961; (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 29/10/2018 và ngày 26/7/2018)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Phan Thị Ngọc H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T, Phan Thị Đ, Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ:* Luật sư **Nguyễn Văn D** – Văn phòng luật sư D thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

3.5. **Phan Văn M**, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.6. **Đặng Văn C**, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. **Phan Thu N**, sinh năm 2009;

Người đại diện theo pháp luật: **Đỗ Thị Thu L**, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.8. **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường 3, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. **Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang;**

Địa chỉ: Đường 30 tháng 4, phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Thanh H – chức vụ: Chủ tịch UBND

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Tấn K** – chức vụ: Phó Chủ tịch. (xin vắng mặt) (Văn bản ủy quyền số 744/UBND-NC ngày 31/12/2014)

4. Người kháng cáo:

4.1. Bị đơn **Phan Thị Ngọc H.**

4.2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Phan Thị Đ, Phan Thị T, Phan Thị N và Phan Thị Ngọc Đ.**

5. Người kháng nghị: **Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu L** trình bày:*

Chị và anh Phan Thành L kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G cấp ngày 25/10/2008. Sau khi sinh cháu Phan Thu N, tháng 4/2009 chị về nhà cha mẹ ruột tại xã L, thị xã G sinh sống, thời gian này anh L có tới lui thăm chị và con. Đến ngày 26/10/2011 anh L bị bệnh và đột ngột qua đời. Sau khi làm đám tang cho anh L, lợi dụng lúc chị về quê mẹ nên chị Phan Thị Ngọc H tự ý chiếm giữ nhà và đất của vợ chồng chị tọa lạc tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã C) và chị H cho rằng là di sản của cha mẹ chị H chết để lại. Phân tài sản của chị và anh L tạo lập bao gồm:

- Thừa đất số 384, diện tích 1.438,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại Ấp M, xã L thị xã C, tỉnh Tiền Giang do anh Phan Thành L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00939 ngày 20/10/2011; năm 2014 giải tỏa một phần và được bồi thường số tiền 127.023.000 đồng.

- Thừa đất số 479, diện tích 1.983m<sup>2</sup> tọa lạc tại Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do anh Phan Thành L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06579 ngày 19/11/2009; năm 2010 giải tỏa một phần diện tích và được bồi thường 186.330.000 đồng sử dụng vào xây dựng nhà.

- 01 căn nhà bán kiên cố, diện tích 6,5m x 14m, kết cấu móng đà bê tông, vách tường, nền gạch bông, mái tole, xây dựng năm 2011 trên thửa đất 1.983m<sup>2</sup>.

Trước đây số tài sản nêu trên do chị Phan Thị Ngọc H quản lý và không đồng ý trả nên chị khởi kiện. Hiện nay, số tài sản này do các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C gồm: Phan Thị Ngọc H, Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị T cùng quản lý. Chị yêu cầu Tòa án xác định số tài sản trên là di sản của anh Phan Thành L chết để lại, buộc chị Phan Thị Ngọc H, chị Phan Thị Đ, chị Phan Thị Ngọc Đ, chị Phan Thị N, chị Phan Thị T, anh Phan Văn M trả lại cho chị và cháu Phan Thu N số di sản nêu trên, chị có nghĩa vụ quản lý phân di sản cháu Phan Thu N được hưởng và giao lại cho cháu khi cháu trưởng thành. Chị đồng ý giao lại thửa đất số 497 và căn nhà trên thửa đất cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C, nhưng những người này phải trả lại cho chị 50% giá trị tài sản theo định giá. Chị thống nhất

kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2017 và kết quả định giá tài sản ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã C.

*\* Bị đơn chị **Phan Thị Ngọc H** trình bày:*

Cha mẹ của chị là ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C có 07 người con là Phan Thị Ngọc H, Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị T và Phan Thành L. Trước đây, ông Q và bà C có tạo lập tài sản là quyền sử dụng đất 02 thửa đất, trên đất có 01 căn nhà lá, vách ván nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cha mẹ chết, vào năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đại diện gia đình là anh Phan Thành L đứng tên là thửa đất số 322, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.982,8m<sup>2</sup> và thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.128,4m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã C, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, anh L chuyển nhượng một phần diện tích 1.438,5m<sup>2</sup> thuộc của thửa đất số 26. Năm 2010, Nhà nước tiến hành nạo vét kênh B, anh L có đại diện gia đình nhận tiền bồi thường là 187.320.000 đồng, các thành viên trong gia đình thống nhất sử dụng số tiền bồi thường này xây dựng lại căn nhà để thờ cúng ông bà, có kết cấu vách tường, mái tole, chiều ngang khoảng 7,1m và chiều dài khoảng 14,5m. Năm 2008, anh L kết hôn với chị Đỗ Thị Thu L và có con chung là Phan Thu N sinh năm 2009. Ngoài ra, vào năm 2009 và năm 2011, anh L tự ý chuyển nhượng tiếp một phần diện tích 2.690m<sup>2</sup> thuộc 267, số tiền sang nhượng tiêu xài và gửi tiết kiệm 250.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C. Năm 2011, anh L chết, được sự đồng ý của các thành viên trong hộ nên chị L đã rút số tiền 100.000.000 đồng tổ chức đám tang cho anh L, số tiền còn lại do chị L quản lý. Năm 2014, Nhà nước thực hiện dự án đường tránh thị xã C có bồi thường số tiền 127.023.000 đồng hiện Ủy ban nhân dân xã L gửi tại Ngân hàng. Hiện nay các thửa đất và căn nhà do chị và Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị T quản lý chung. Chị thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2017 và kết quả định giá tài sản ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu L. Chị yêu cầu hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”06579 ngày 14/9/2009 và số CH00939 ngày 20/10/2011 cấp cho Phan Thành L đối với 02 thửa đất nêu trên, đồng thời chia di sản của cha mẹ chị theo pháp luật cho 07 đồng thừa kế gồm: Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị T và Phan Thành L (Đỗ Thị Thu L và Phan Thu N nhận) đối với các tài sản gồm: thửa đất số 384, thửa đất số 479, 01 căn nhà, tiền bồi thường giải tỏa 127.023.000 đồng, tiền Phan Thành L bán đất 150.000.000 đồng hiện Đỗ Thị Thu L đang quản lý.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị T (có yêu cầu độc lập) trình bày:* thống nhất nội dung trình bày của chị Phan Thị Ngọc H.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T trình bày:* Chị được biết tài sản của cha chị là ông Phan Thành L chết để lại gồm nhà và đất hiện đang tranh chấp thừa kế. Do mẹ chị không có đăng ký kết hôn và giấy khai sinh của chị không có họ tên cha nên không có cơ sở xác định chị là con ruột ông Phan Thành L để tranh chấp hưởng phần di sản của cha chị. Nếu không chứng minh được thì xem như từ chối.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang trình bày:* Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn C trình bày:* Anh không phải là người liên quan trong vụ án nên anh không có ý kiến và yêu cầu đối với vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2015/DSST ngày 17/6/2015 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thu L, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Phan Thị Ngọc H, không chấp nhận yêu cầu độc lập của Phan Thị N, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Văn M, Phan Thị Đ, Phan Thị Th.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 409/2015/DSPT ngày 03/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xử: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2015/DSST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

**Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu L.

Buộc chị Phan Thị Ngọc H, chị Phan Thị N, chị Phan Thị Ngọc Đ, anh Phan Văn M, chị Phan Thị Đ, chị Phan Thị T trả cho chị Đỗ Thị Thu L và Phan Thu N thửa đất số 384, diện tích 1.151,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, tọa lạc Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (kèm theo bản trích đo địa chính thửa đất)

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Ngọc L và Phan Thu N giao cho chị Phan Thị Ngọc H, chị Phan Thị N, chị Phan Thị Ngọc Đ, anh Phan Văn M, chị Phan Thị Đ, chị Phan Thị T đồng sử dụng thửa đất số 497, diện tích 1.542,8m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4 tọa lạc Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (kèm theo bản trích đo địa chính thửa đất) và sở hữu 01 căn nhà có cấu trúc cột bê tông cốt thép, vách tường chưa tô, nền xi măng, mái Firo xi măng, diện tích

24,36m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nhà xây dựng trên thửa đất số 497).

Chị Phan Thị Ngọc H, chị Phan Thị N, chị Phan Thị Ngọc Đ, anh Phan Văn M, chị Phan Thị Đ, chị Phan Thị T hoàn trả cho chị Đỗ Thị Thu L và Phan Thu N số tiền 193.616.940 đồng.

Chị Đỗ Thị Thu L và Phan Thu N được nhận số tiền 127.023.000 đồng theo Quyết định số 1750/QĐ-HĐBT ngày 03/10/2014 của Hội đồng bồi thường thị xã C về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ anh Phan Thanh L.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Ngọc H, yêu cầu độc lập của chị Phan Thị N, chị Phan Thị Ngọc Đ, anh Phan Văn M, chị Phan Thị Đ, chị Phan Thị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

\* Ngày 12/12/2018, bị đơn Phan Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu L; chấp nhận yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế của chị.

\* Ngày 11/12/2018 và ngày 12/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Phan Thị Đ, Phan Thị N, Phan Thị T, Phan Thị Ngọc Đ cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu L; chấp nhận yêu cầu độc lập của các chị và những người liên quan trong hàng thừa kế.

\* Ngày 27/12/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị số 2490/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DSĐT ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, bởi các lý do như sau:

Thứ nhất: Tòa sơ thẩm không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vào tham gia tố tụng, án tuyên không khả thi;

Thứ hai: Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa đánh giá đúng các chứng cứ trong hồ sơ;

Thứ ba: Vi phạm quy định về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn Phan Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Thị Đ, Phan Thị N, Phan Thị T, Phan Thị Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Đỗ Thị Thu L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Phan Thị Ngọc H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phan Thị T, Phan Thị Đ, Phan Thị N và Phan Thị Ngọc Đ, trình bày ý kiến: Việc nguyên đơn cho rằng chị H chiếm giữ tài sản của chị và anh L là không có căn cứ, vì tài sản tranh chấp có nguồn gốc của bà Chơn chết để lại thừa kế do chị H quản lý.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 497 và thửa 384 cho anh L có nguồn gốc của mẹ Nguyễn Thị C cho nhưng trong hồ sơ cấp đất không có tài liệu thể hiện việc tặng cho, vào thời điểm anh L được cấp giấy chứng nhận hai thửa đất thì bà C đã chết nhưng Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L không đúng theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai.

Về số tiền 127.023.000 đồng là tiền nhà nước bồi thường hỗ trợ thu hồi đất do anh L đứng tên quyền sử dụng. Số tiền này hiện do anh Đặng Văn C cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã L đứng tên gửi ngân hàng chờ Tòa án giải quyết, nhưng Tòa sơ thẩm không đưa người đại diện của Ủy ban nhân dân xã L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Do anh L kê khai đăng ký đứng tên quyền sử dụng hai thửa đất (có nguồn gốc của bà C) không đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định hai thửa đất do anh L đứng tên là của bà C chết để lại và 127.023.000 đồng tiền đền bù thửa 384 là di sản thừa kế của bà C chia cho 07 người con gồm: H, N, Đ, Đ, T, M, L.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đỗ Thị Thu L trình bày ý kiến: Đất anh L đăng ký đứng tên được mẹ cho khi còn sống nên sau khi mẹ chết anh L kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp lệ. Đối với số tiền 127.023.000 đồng thực nhận là 129.000.000 đồng là tiền nhà nước đền bù đất do anh L đứng tên nên thuộc về anh L. Do anh L và chị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn và có một con chung tên Phan Thu N. Nay anh L chết thì tài sản của anh L để lại cho vợ và con. Vì vậy, án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ.

Tuy nhiên, án sơ thẩm không đưa đại diện của Ủy ban nhân dân xã L là người cùng đứng tên với anh C gửi số tiền 127.023.000 đồng vào ngân hàng tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ khi thi hành án là thiếu sót. Mặt khác, hồ sơ cấp giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L chưa được thu thập đầy đủ chứng cứ nên việc giải quyết chưa đủ căn cứ.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự đúng với quy định của pháp luật đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã C xét xử lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đều đúng với các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử hủy bản án sơ thẩm số 110/2018/DSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C. Giao hồ sơ cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự, nghe ý kiến nhận xét, phân tích và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo, kèm theo biên lai thu tạm ứng án phí của các đương sự đã nộp và quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang được thực hiện đúng trình tự thủ tục thời gian theo qui định tại các Điều 271, 272, 273 và 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự, nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về người tham gia tố tụng anh Phan Văn M và Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 còn đại diện Ủy ban nhân dân thị xã C xin vắng nên căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản thừa kế. Bị đơn yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xin hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin chia thừa kế quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Vụ án được thụ lý ngày 26/12/2011 nên thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 25 và Điều 32a của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011. Các Điều 168, 169, 170, 631, 645, 675, 688, 722, 733, 734, 735 của Bộ Luật dân sự năm 2005 và Điều 50, 136 của Luật Đất đai năm 2003.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Đỗ Thị Thu L đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho con Phan Thu N, yêu cầu bị đơn Phan Thị Ngọc H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phan Thị Đ, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị N, Phan Thị T và Phan Văn M trả lại cho chị L và cháu N thửa đất 384, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.151,6 m<sup>2</sup> tại Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và 50% giá trị thửa đất 497 tờ bản đồ số 4 diện tích 1.542,8m<sup>2</sup> trên đất có căn nhà chính diện tích 105m<sup>2</sup> và nhà bếp 24,36m<sup>2</sup> tại Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang bằng 193.616.940 đồng. Đồng thời chị Liên yêu cầu được nhận 127.023.000 đồng là số tiền nhà nước bồi thường 1 phần thửa 384 khi giải tỏa đường tránh quốc lộ 1A qua thị xã C.



Lý do chị L tranh chấp và yêu cầu đòi lại tài sản vì chị cho rằng các thửa đất kể trên đều do anh Phan Thành L là chồng chị đứng tên đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà cất trên đất thửa 497 là của chị với anh L. Năm 2011, anh L chết thì chị và cháu Ngân là người thừa kế tài sản trên nhưng đã bị các chị H, Đ, Đ, N, T và anh M chiếm giữ nên yêu cầu đòi lại.

[4] Về phía bị đơn Phan Thị Ngọc H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Đ, Phan Thị Đ, Phan Thị N, Phan Thị T và Phan Văn M đều có đơn phản tố và yêu cầu độc lập trình bày: Các thửa đất và căn nhà mà chị L kiện đòi lại có nguồn gốc của ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C là cha, mẹ của các anh chị và Phan Thành L chết để lại. Khi ông Q chết, bà C kê khai đăng ký sổ bộ 299 vào năm 1984 và năm 2006. Thời điểm này Phan Thành L cùng đăng ký hộ khẩu và sống chung với mẹ Nguyễn Thị C. Sau khi bà C chết (Theo giấy báo tử bà C chết ngày 19/10/2008 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều khai bà C chết năm 2007) thì anh L mới đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị Thu L. Năm 2009, L kê khai đăng ký thửa 322 tờ bản đồ số 4, diện tích 1.982,8m<sup>2</sup> và thửa 267 tờ bản đồ số 4, diện tích 4.128,4m<sup>2</sup> cùng tọa lạc Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy (nay là thị xã C). Năm 2009, L chuyển nhượng một phần thửa 267 diện tích 2.690m<sup>2</sup> với số tiền 250.000.000 đồng và gửi ngân hàng. Năm 2010, nhà nước nạo vét kênh B bồi thường tiền đất cho anh L nhận 187.320.000 đồng, anh L dùng số tiền này xây dựng lại căn nhà để thờ cúng ông bà. Năm 2011, anh L chết, anh chị em thống nhất rút 100.000.000 đồng từ tiền tiết kiệm gửi ngân hàng làm đám cho anh L. Còn lại 150.000.000 đồng giao cho chị L giữ. Năm 2014, nhà nước giải tỏa một phần đất thửa 384 đường tránh quốc lộ 1A qua thị xã C đã bồi thường 127.023.000 đồng số tiền này hiện do Ủy ban nhân dân xã L thị xã C tạm gửi ngân hàng chờ giải quyết. Chị H, Đ, N, Đ, T và anh M yêu cầu xác định toàn bộ nhà đất và số tiền kể trên là di sản của bà C chết để lại. Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Phan Thành L và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C cho 07 người con gồm: H, Đ, Đ, N, T, M và L.

[5] Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thu L. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Phan Thị Ngọc H và yêu cầu độc lập của Phan Thị Đ, Phan Thị Đ, Phan Thị N, Phan Thị T và Phan Văn M. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị đề nghị hủy án.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy:

[6] Tòa sơ thẩm xác định các thửa đất 384 tờ bản đồ số 4 (phần còn lại thửa 499 sau khi sang nhượng năm 2011). Thửa 497 tờ bản đồ số 4 cùng căn nhà cất trên thửa đất 497 tọa lạc Ấp M, xã L, thị xã C và số tiền gửi tiết kiệm

127.023.000 đồng đều là tài sản cá nhân của anh Phan Thành L chết để lại là chưa có đủ cơ sở, bởi:

- Theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh L được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số vào sổ H06579 ngày 14/9/2009 thửa 497 tờ bản đồ số 4, diện tích 1.983m<sup>2</sup> và số vào sổ H06578 ngày 14/9/2009 thửa 499 tờ bản đồ số 4, diện tích 3.036m<sup>2</sup>. Hai thửa đất này đều tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2011, anh L chuyển nhượng 1 phần đất thửa 499 diện tích 1.287,5m<sup>2</sup> tương ứng một phần diện tích thửa mới 267 cho anh N, chị L. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thì thửa 267 tách thành thửa 284 diện tích 1.438,5m<sup>2</sup> do anh L đứng tên và thửa 285 diện tích 1.287,5m<sup>2</sup> do anh N, chị L đứng tên (BL 145).

Nguồn gốc hai thửa đất anh L khai đăng ký giấy chứng nhận là của mẹ ruột Nguyễn Thị C cho vào năm 1991. Vào thời điểm anh L kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà C đã chết nhưng Tòa sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L thuộc diện tặng cho hay thừa kế, có đúng với trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật hay không. Mặt khác, theo sổ đăng ký hồ sơ 299 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C lập năm 1984 thì bà C đứng tên 08 thửa đất gồm: 386, 387, 615, 616, 617, 717, 718 (BL51), theo sổ mục kê năm 2006 thì bà C kê khai đăng ký 05 thửa đất gồm số 98, 218, 224, 267 và 322 (BL 294). Theo công văn số 37/VPĐK ngày 19/5/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C cho biết “Thửa 497 tờ bản đồ số 4 có vị trí tương ứng với thửa 322 tờ bản đồ số 4 ngoài thực địa” (BL 195). Còn công văn số 75/TN.MT ngày 28/11/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cho biết “thửa 267 tờ bản đồ số 4, diện tích 4.128,4m<sup>2</sup> và thửa 322 tờ bản đồ số 4 diện tích 1.982,8m<sup>2</sup> theo số liệu đo đạc mới do bà Nguyễn Thị Cường tên nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (BL 145).

Đối chiếu công văn 37 và công văn 75 nhận thấy thửa 285 là 1 phần của thửa 499 do anh L đứng tên có nguồn gốc từ thửa 267 do bà C đăng ký kê khai từ năm 1984, còn thửa 497 do anh L đứng tên có nguồn gốc từ thửa 322 do bà C đăng ký kê khai năm 2006. Vào thời điểm anh L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ, trong hộ có tên chị Phan Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú từ năm 2006 với anh L do bà C làm chủ hộ nhưng Tòa sơ thẩm cũng không xem xét đến nội dung này làm ảnh hưởng đến quyền lợi chị T.

[7] Về vấn đề người tham gia tố tụng: Theo quyết định số 1750/QĐ. HĐBT ngày 03/10/2014 của Hội đồng bồi thường thuộc Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang ghi: “Điều 1: Chi bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Thành L (chết) địa chỉ Ấp M, xã L với tổng số tiền 127.023.000 đồng.

Điều 2: Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập hồ sơ bồi thường. Kết hợp với ngành có liên quan thực hiện việc bồi thường hỗ trợ đối với hộ ông Phan Thành L” (BL 424) do anh L chết và số tiền bồi thường, hỗ

trợ cho hộ anh L có tranh chấp nên vào ngày 29/12/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã C và Ủy ban nhân dân xã L đã lập biên bản xử lý như sau: “*Ủy ban nhân dân xã L sẽ xác nhận cho ông Đặng Văn C nhận số tiền bồi thường hỗ trợ của hồ sơ Phan Thành L. Hộ ông Đặng Văn C sẽ đại diện nhận tiền và ký hồ sơ nhận tiền hộ Phan Thành L. Sau khi nhận tiền, đại diện Ủy ban nhân dân xã L và ông Đặng Văn C sẽ cùng đứng tên gửi số tiền trên vào ngân hàng chờ quyết định của Tòa án*” (BL 430). Tại phiên tòa sơ thẩm anh C cũng khai nhận có cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã L đồng đứng tên gửi ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn C số tiền 127.023.000 đồng, (BL 495). Thế nhưng Tòa sơ thẩm không xác định người đại diện của Ủy ban nhân dân xã L cùng đứng tên gửi số tiền 127.023.000 đồng là ai để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo qui định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ Luật tố tụng dân sự để hộ cùng Đặng Văn C thực hiện quyền, nghĩa vụ rút tiền giao tiền cho người được nhận theo quyết định của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật mà lại quyết định “*Bà Đỗ Thị Thu L và Phạm Thu N được nhận số tiền 127.023.000 đồng theo quyết định số 1750/QĐ. HĐBT ngày 03.10.2014 của Hội đồng bồi thường thị xã C về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Thành L*” là một thiếu sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cần phải khắc phục đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đúng theo trình tự luật định.

[8] Ngoài ra án sơ thẩm chưa xác định đầy đủ quan hệ tranh chấp về yêu cầu phản tố của bị đơn xin “*hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phan Thành L*”. Việc buộc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả cho chị L và cháu N thửa đất số 384 tờ bản đồ số 4 diện tích 1.151,6m<sup>2</sup> (kèm theo bản trích đo địa chính thửa đất) nhưng trong mảnh trích đo địa chính thửa đất không xác định vị trí đông, tây, nam, bắc cũng như phần lề đường diện tích 255,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 384 không quyết định giao cho ai nên rất khó thi hành án. Mặt khác, về án phí dân sự sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu không đúng với qui định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/PL.UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ.HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Với những thiếu sót của án sơ thẩm như đã phân tích, Tòa phúc thẩm không thể sửa chữa khắc phục được nên cần phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã C xét xử lại theo đúng qui định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã C xét xử lại nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Từ những nhận định trên xét thấy: Ý kiến phân tích đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không có cơ sở nên không chấp nhận.

Về nội dung phân tích và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn một phần có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Về nội dung quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị thống nhất với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận quyết định kháng nghị số 2490/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/02/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 110/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3/ Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị Phan Thị Ngọc H; chị Phan Thị N; chị Phan Thị Đ; chị Phan Thị Ngọc Đ; chị Phan Thị T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001978; 0001979; 0001980; 0001981 và 0001982 cùng ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Hoàng Khải**